**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN N**
**TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 10 - 2018.
V/v: Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Hùng Phương.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Đình Của.
2. Ông Đào Văn Rạng.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà:*** Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23/010/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 07 năm 2018. Về vụ án Kiện xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Hương G - sinh năm 1981;
Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh Th - Sinh năm: 1979.
Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị G, vắng anh Th.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Trần Hương G trong quá trình giải quyết thể hiện: Chị kết hôn với anh Lê Minh Th vào tháng 11 năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Th thường xuyên đi uống rượu say về chửi bới vợ con. Chị đã cố gắng chịu đựng cùng hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng anh Th không thay đổi vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải Th. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Th là không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Minh Th.

Về con chung chị Trần Hương G xác định vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Lê Thị Huyền T sinh ngày 23/7/2002 và cháu Lê Thị H sinh ngày 21/6/2005. Vợ chồng ly hôn do cháu H và cháu T đều có nguyện vọng xin được ở với anh Th vì vậy chị nhất trí để anh Th trực tiếp nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung theo chị Trần Hương G xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự vợ chồng giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Minh Th vắng mặt nhưng lời khai của anh Th nộp cho Tòa án cũng như lời khai của ông Lê Văn L bố đẻ anh Th tại buổi làm việc với Tòa án cũng như trong đơn đề nghị thể hiện: Anh Th và chị G kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2000, vợ chồng được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn. Sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát nguyên nhân là do chị G không chung thủy. Nay chị G có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Về con chung anh Th xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Huyền T sinh ngày 23/7/2002 và cháu Lê Thị H sinh ngày 21/6/2005, vợ chồng ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị G phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung anh thống nhất xác định vợ chồng có nhưng tự vợ chồng giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hương G có đơn xin ly hôn anh Lê Minh Th, anh Th cũng nhất trí thuận tình ly hôn vì vậy đề nghị Hội đồng xử thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị G và anh Th thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Huyền T sinh ngày 23/7/2002 và cháu Lê Thị H sinh ngày 21/6/2005, vợ chồng ly hôn anh Th xin nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị G phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh và chị G cũng nhất trí, bản thân hai con chung đều có nguyện vọng được ở với anh Th thấy có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị G và anh Th thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị G phải nộp theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Hương G và anh Lê Minh Th hiện đều có địa chỉ thường trú tại tổ dân phố 7, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. Chị G có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết, vụ án của anh chị được Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Minh Th vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh Th là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Hương G và anh lê Minh Th vào tháng 11 năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh Th cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị G và

anh Th là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Hương G và anh Lê Minh Th đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Huyền T sinh ngày 23/7/2002 và cháu Lê Thị H sinh ngày 21/6/2005 vợ chồng ly hôn anh Th có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị G phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh Th, phía chị G cũng nhất trí, mặt khác bản thân cháu H và cháu T cũng có nguyện vọng xin được ở với anh Th vì vậy nên tiếp tục giao cháu H và cháu T cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu của anh Th về việc không yêu cầu chị G phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh thấy là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trần Hương G và anh Lê Minh Th thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Hương G phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

[1] - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Hương G và anh Lê Minh Th.

[2] - Về con chung: Xử giao con chung là cháu Lê Thị Huyền T sinh ngày 23/7/2002 và cháu Lê Thị H sinh ngày 21/6/2005 cho anh Lê Minh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị G không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] - Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Hương G phải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số BB/2012/06235 ngày 03/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phạm Hùng Phương**

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- UBND thị trấn R;
- Lưu văn phòng; HSVA.